**VTI ACADEMY**

**KHÓA ĐÀO TẠO BUSINESS ANALYSIS**

**----------**

****

**BÀI TẬP LỚN**

**Tư vấn lập trình triển khai mới phần mềm quản lý nhân sự**

**Người hướng dẫn : Mentor Mai Ngọc Huynh**

**Người thực hiện : Đàm Thị Huyền Trang**

**HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2024**

I.Tổng quan yêu cầu

**BẢNG DỮ LIỆU MỜI THẦU**

**BẢNG 1 : YÊU CẦU CHI TIẾT QUẢN TRỊ - HẠ TẦNG - KỸ THUẬT**

| **STT** | **Yêu cầu** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- |
|
|  |
| **I** | **QUẢN TRỊ HỆ THỐNG** |  |
| 1 | Danh mục doanh nghiệp/đơn vị | Cho phép khai báo và quản lý không hạn chế pháp nhân, chi nhánh theo mô hình nhỏ, vừa và tập đoàn. |
| 2 | Danh mục cơ cấu tổ chức | Cho phép khai báo không hạn chế (n) cơ cấu tổ chức đối với nhiều pháp nhân, theo (n) lớp dưới dạng hình cây. |
| 3 | Danh mục người sử dụng | Cho phép khai báo danh sách người sử dụng phần mềm không hạn chế… |
| Cho phép người sử dụng tự đặt mật khẩu và thay đổi mật khẩu. |
| Cho phép làm mất hiệu lực không được sử dụng phần mềm khi nhân sự đã nghỉ việc. |
| 4 | Danh mục chức vụ, vai trò | Cho phép khai báo được (n) nhóm vai trò, chức vụ hoặc phòng ban. Mục đích của vai trò là để hỗ trợ cho việc setup quy trình. |
| 18 | Quản lý nhật ký hệ thống | Cho phép tìm kiếm thông tin lịch sử log hệ thống Cho phép xem danh sách log truy cập Cho phép xem danh sách log đăng nhập Cho phép xem danh sách thay đổi nội dung Không cho phép xóa log hệ thống |
| **II** | **HẠ TẦNG - KỸ THUẬT** |  |
| 1 | Khả năng tùy biến | Yêu cầu sự linh hoạt của hệ thống cao, tư duy thiết kế mở, xử lý nhiều case khác nhau với nhiều cách khác nhau |
| 2 | Khả năng vận hành hệ thống | Hệ thống có logic xử lý tốt, không tùy ý thay đổi hoặc dễ xuất hiện logic bất thường Dễ dàng cho non-IT tiếp nhận và vận hành, xử lý ở một mức độ nhất định, không tốn quá nhiều nhân lực IT vận hành |
| 3 | Khả năng bàn giao hệ thống | Ngôn ngữ mở, phổ biến và dễ dàng bàn giao hệ thống cho Sơn Hà |
| 4 | Đa nền tảng | Sử dụng được trên Web, App Mobile không hạn chế trình duyệt |
| 5 | Hiệu suất hệ thống | Đảm bảo về mặt hiệu suất đối với hệ thống khi quy mô phát triển của doanh nghiệp mà tại một thời điểm có hàng ngàn người truy đồng thời cập hoặc dữ liệu lưu trữ lên đến hàng ngàn Terabyte hoặc Geopbyte. |
| 6 | Cơ sở dữ liệu (Database) | Cho phép khai báo nhiều pháp nhân chung trên database |
| Cho phép ứng dụng được nhiều loại cơ sở dữ liệu khác nhau như SQL Server, Postgresql, oracle, IBM'-DB2. Đặc biệt, cho phép chuyển đổi CSDL mà không làm mất cấu trúc |
| 7 | Phân quyền | Phân quyền đa chiều: - Phân quyền theo Module - Phân quyền theo user - Phân quyền theo tính năng - Phân quyền theo vùng dữ liệu Phân quyền theo Cơ cấu tổ chức làm cơ sở phân quyền cao nhất, bất kỳ biến động nhân sự ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức cũng sẽ được đồng bộ Quản lý phân quyền chặt chẽ, có thể xuất báo cáo về phân quyền |
| 8 | Giao diện | Trực quan, dễ nhìn, thao tác nhanh gọn không phức tạp |
| Kiến trúc thiết kế cần tinh gọn, dễ dàng kiểm tra các thông tin một cách tổng hợp |
| Khả năng việt hóa của hệ thống |
| 9 | Bảo mật | Chứng chỉ bảo mật của NCC |
| Bàn giao Source Code |

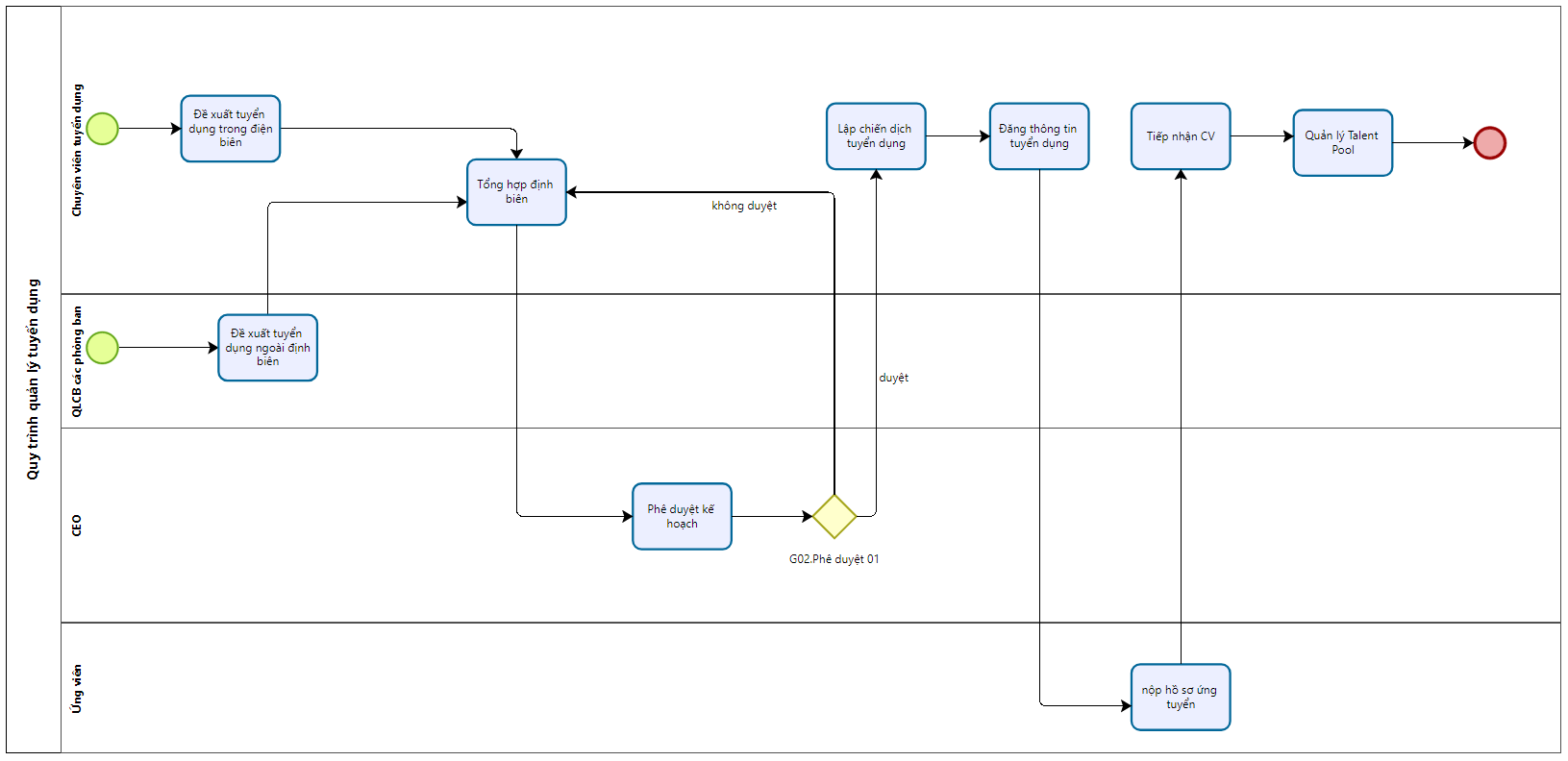
**BẢNG 2 : YÊU CẦU TÍNH NĂNG PHẦN MỀM CẦN TRIỂN KHAI**

| **STT** | **Yêu cầu** | **Yêu cầu hệ thống mới** | **Phân loại** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Masterdata** |  |  |
| ***1*** | ***Quản lý cơ cấu tổ chức*** |  |  |
|  | Quản lý SĐTC theo chiều dọc | - Khai báo Sơ đồ tổ chức phức theo sơ đồ hình cây, không giới hạn cấp với các level: Tập đoàn - Công ty - Ban/ Trung tâm - Phòng - Bộ phận…(tham khảo Mục... 5. YC QT-KT\_HT) | Tiêu chuẩn |
|  | Giao diện quản lý SĐTC | - Giao diện SĐTC hình cây dễ nhìn trực quan - Hiển thị số lượng nhân sự đang làm việc realtime - Hiển thị số lượng nhân sự theo định biên | Đặc thù |
|  | Quản lý vị trí/chức danh | - Khai báo không giới hạn vị trí/chức danh - Vị trí/chức danh được khai báo phải gắn với Phòng ban trực thuộc - Vị trí/chức danh phải gắn với Chức vụ/Vai trò/Cấp bậc tương ứng | Tiêu chuẩn |
|  | Quản lý chức vụ/vai trò/cấp bậc | - Khai báo không giới hạn chức vụ/vai trò/cấp bậc | Tiêu chuẩn |
| ***2*** | ***Khung năng lực theo vị trí*** | - Xây dựng Khung năng lực theo từng vị trí, xác định tiêu chí, trọng số, công thức | Tiêu chuẩn |
| ***3*** | ***Khung đào tạo theo vị trí*** | - Xây dựng Khung đào tạo theo từng vị trí | Tiêu chuẩn |
| ***4*** | ***Khung đánh giá theo vị trí*** | - Xây dựng Khung đánh giá theo từng vị trí, cấp bậc, trạng thái nhân viên (thử việc, học việc,  - Xác định tiêu chí, trọng số, công thức | Tiêu chuẩn |
| **II** | **Tuyển dụng** |  |  |
| ***1*** | ***Định biên*** | ***Thừa kế thông tin từ SĐTC và liên tục cập nhật dữ liệu từ biến động nhân sự từ Hồ sơ nhân sự*** |  |
|  | Quản lý kế hoạch định biên nhân sự *(Theo Tháng/Quý/Năm)* | - Lên kế hoạch nhân sự theo chu kỳ, phân bổ chi tiết số lượng nhân sự cần có và cần tuyển theo từng tháng, giai đoạn - Liên kết dữ liệu số lượng nhân sự đang làm việc, số lượng nhân sự sắp nghỉ (trong Hồ sơ nhân sự) để cảnh báo về số lượng cần tuyển | Tiêu chuẩn |
|  | Quản lý quy trình phê duyệt định biên | - QT: EU Tạo Kế hoạch định biên -> Trình phê duyệt qua các cấp theo quy định - Quy trình duyệt động qua các bước theo đúng quy trình duyệt của từng Phòng/ban đơn vị | Đặc thù |
|  | Báo cáo và theo dõi định biên | - Báo cáo theo dõi định biên, dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn trên các phân hệ khác: kết quả Tuyển dụng, Biến động Hồ sơ nhân sự | Tiêu chuẩn |
| ***2*** | ***Quản lý đề xuất tuyển dụng*** |  |  |
|  | Trong định biên | - Đề xuất tuyển dụng tương ứng với kế hoạch định biên nhân sự được phê duyệt - Đề xuất chủ yếu được lập bởi Chuyên viên Tuyển dụng của Tập đoàn hoặc Đơn vị thành viên | Tiêu chuẩn |
|  | Ngoài định biên | - Tạo đề xuất tuyển dụng phát sinh không nằm trong kế hoạch hay định biên đề ra - Quản lý lý do tuyển: Tuyển mới, tuyển thay thế, tuyển phát sinh…(các lý do được tự định nghĩa) - Đề xuất ngoài định biên sẽ được lập từ bất kỳ bộ phận phòng ban nào của Tập đoàn, dữ liệu sẽ được cập nhật vào Định biên tổng để theo dõi | Tiêu chuẩn |
| ***3*** | ***Quản lý chiến dịch tuyển dụng*** | Quản lý chiến dịch phục vụ cho Đề xuất tuyển dụng Hồ sơ ứng viên thu thập được của từng chiến dịch sẽ tự động cập nhật về chiến dịch tương ứng Quản lý ngân sách mỗi chiến dịch | Tiêu chuẩn |
| ***4*** | ***Quản lý Talent Pool*** | - Quản lý thông tin HSUV - Quản lý nguồn ứng viên - Quản lý trạng thái ứng viên, lịch sử tương tác - Quản lý kết quả đánh giá ứng viên theo Khung năng lực và khung đánh giá từng vị trí | Tiêu chuẩn |
| **III** | **Đào tạo** |  |  |
| 1 | Kế hoạch đào tạo | - Thừa kế dữ liệu từ khung đào tạo và lên kế hoạch đào tạo cụ thể - Tổng hợp nhu cầu đào tạo - Thiết kế Chương trình, khóa, lớp, nội dung mang tính liên kết để hỗ trợ báo cáo đánh giá | Tiêu chuẩn |
| 2 | Triển khai đào tạo | - Lên lịch đào tạo - Thống kê danh sách đào tạo - Điểm danh đa khung giờ, ghi nhận sự tham gia - Công cụ gia tăng sự tập trung, lên bài kiểm tra, chấm điểm.... - Tổng kết và lưu trữ kết quả mỗi buổi đào tạo, khóa đào tạo | Tiêu chuẩn |
| 4 | E-learning | - Hệ thống hỗ trợ lên nội dung bài giảng, chương trình bài giảng tự động - Hỗ trợ đăng ký | Hỗ trợ nghiệp vụ |
| **IV** | **Quản lý Hồ sơ nhân sự - Biến động nhân sự** |  |  |
| ***1*** | Thông tin Sơ yếu lí lịch | Bao gồm các thông tin: - Thông tin cá nhân: Họ tên, SĐT, Email - Mã nhân viên, Mã chấm công (yêu cầu mã tạo tự động theo cấu trúc: Mã công ty.STT tương ứng với từng công ty để đáp ứng Tập đoàn có nhiều ĐVTV) - Thông tin gia đình (là nguồn dữ liệu đầu vào tính Giảm trừ gia cảnh) - Kinh nghiệm làm việc - Trình độ học vấn - Kỹ năng (MS Office, Ngoại ngữ, kỹ năng mềm, Ngôn ngữ lập trình...) Cập nhật từ các nguồn: - Ứng viên trúng tuyển - Cập nhật thủ công - Import dữ liệu | Tiêu chuẩn |
| ***2*** | Thông tin Công việc | Ghi nhận lịch sử công việc từ mọi biến động - Thay đổi hợp đồng - Thay đổi mức lương - Quyết định nhân sự liên quan Xử lý kiêm nhiệm với cả 2 phương án thủ công và tự động đồng bộ về từ Quyết định nhân sự (tham khảo mục….) Trạng thái nhân sự: - Đang làm việc - Nghỉ việc - Nghỉ thai sản - Nghỉ nghĩa vụ quân sự ngắn hạn | Tiêu chuẩn |
| ***3*** | Quản lý HĐLĐ *- Loại HĐ - Thời hạn Hợp đồng - Thông tin hợp đồng (lương, phúc lợi đi kèm)* | Cấu hình sẵn các loại họp đồng theo Luật bao gồm: - Hợp đồng thử việc - Hợp dồng không xác định thời hạn - Hợp đồng xác định thời hạn - Hợp đồng dịch vụ Cho phép tự định nghĩa các loại họp đồng con ví dụ: - Hợp đồng 1 năm - Hợp đồng 2 năm … Quản lý thời hạn hợp đồng để nhắc nhở cảnh báo, gia hạn hoặc thanh lý (áp dụng với HĐTV, HĐ XĐ thời hạn, HĐ thời vụ, dịch vụ....) Thông tin hợp đồng đi kèm: - Mã HĐ (cho phép cấu hình Mã tương tự như Mã nhân viên) - Liên kết với thông tin cơ bản ở HSNS - Lương, phúc lợi (Cho phép nhập tỷ lệ hưởng lương) - Ngày vào, Ngày hết hạn HĐ... Theo dõi trạng thái hợp đồng: - Đang hiệu lực - Hết hiệu lực | Tiêu chuẩn |
| ***4*** | Quản lý tờ trình biến động nhân sự | Quản lý các Tờ trình liên quan đến biến động nhân sự theo biểu mẫu của Sơn Hà, kèm quy trình duyệt động. - Tiếp nhận - Bổ nhiệm - Miễn nhiệm - Điều chuyển - Kiêm nhiệm (phức tạp, kiêm nhiều phòng ban và ảnh hưởng đến cả hệ số lương) - Nghỉ việc: Tự nguyện, Sa thải Kết quả duyệt sẽ được cập nhật vào Hồ sơ nhân sự bao gồm: Lịch sử công việc, vị trí/vai trò mới Xử lý case đặc thù về kiêm nhiệm tại Sơn Hà bao gồm: BLĐ kiêm nhiệm nhiều vị trí công việc, khi có biến động xảy ra chỉ cần xử lý bằng 1 tờ trình trên hệ thống Các biến động nhân sự xảy ra, các phần dữ liệu liên quan như: quy trình duyệt, định biên, công lương cũng được đồng bộ và cập nhật | Đặc thù |

# II. Bussiness Process

2.1 Quy trình quản lý tuyển dụng

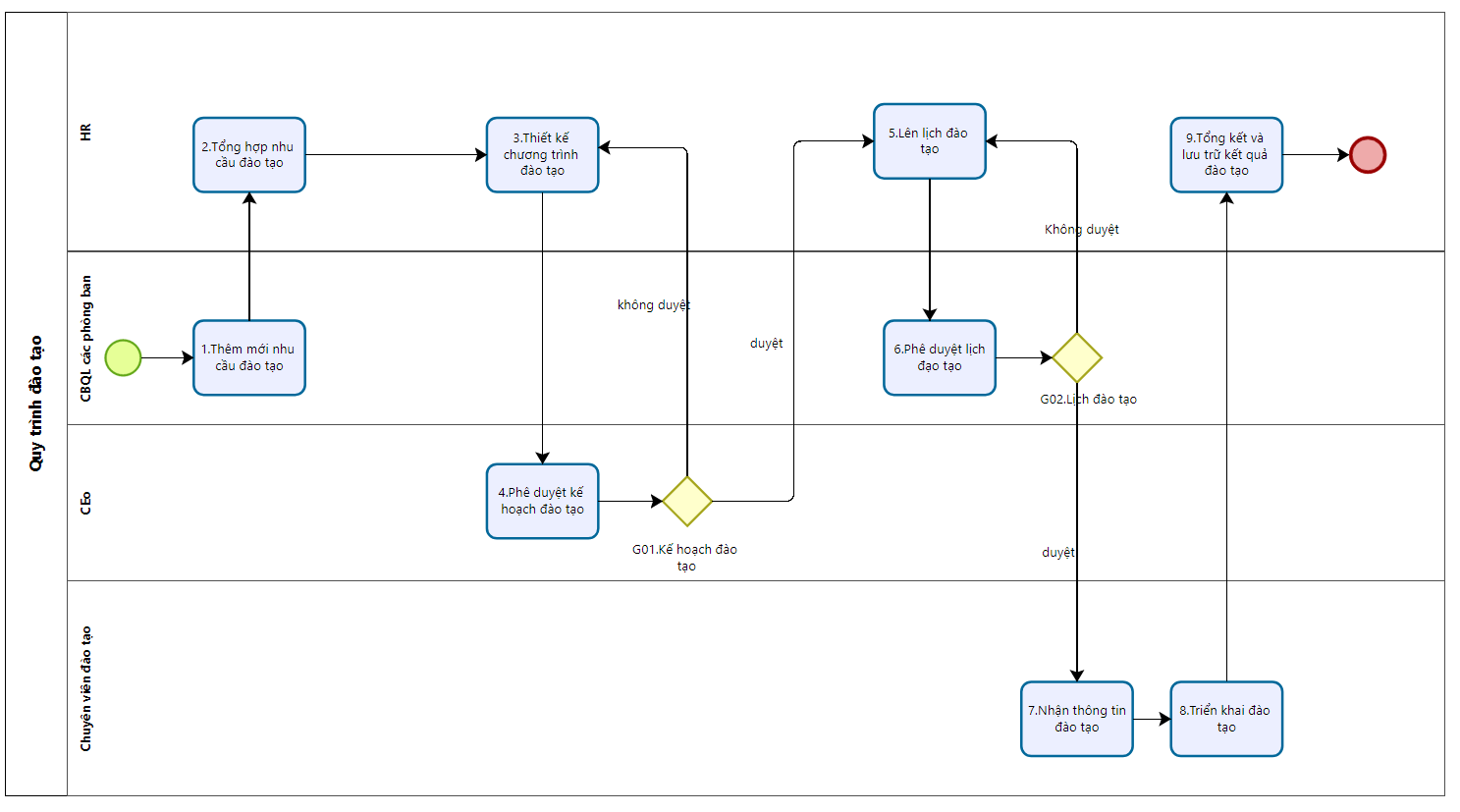
2.1.1. Flow chart



2.1.2.Mô tả

2.2 Quy trình đạo tạo

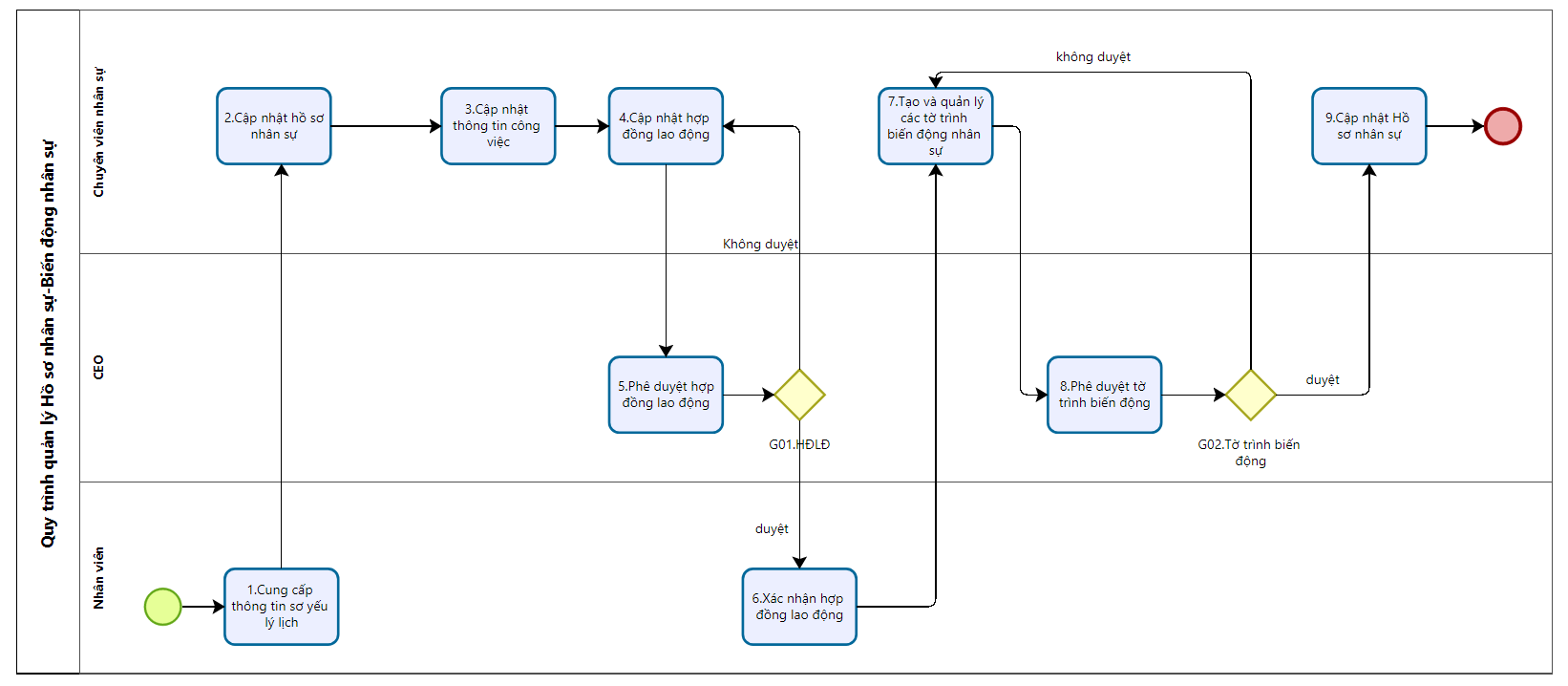
2.2.1.Flow chart



2.2.2.Mô tả

2.3 Quy trình quản lý Hồ sơ nhân sự-Biến động nhân sự

2.3.1.Flow chart



2.3.2.Mô tả

III.Use case

3.1 Chức năng quản lý sơ đồ tổ chức

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên viết tắt | Tên viết đầy đủ |
| 1 | DN | Doanh nghiệp |
| 2 | CBNV | Cán bộ nghiệp vụ |
| 3 | SĐTC | Sơ đồ tổ chức |
| 4 | ND | Người dùng |
| 5 | HT | Hệ thống |

3.1.1.Xem chi tiết danh sách sơ đồ tổ chức

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xem chi tiết danh sách sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC311 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xem chi tiết thông tin mỗi tổ chức trong SĐTC |
| **Vai trò thực hiện** | Quản trị hệ thống, ND |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Xem chi tiết tổ chức vào sơ đồ tổ chức**   * ND click menu quản lý thông tin SĐTC, HT hiển thị màn hình SĐTC * ND nhập từ khóa cần tìm kiếm và click vào button hoặc icon “Tìm kiếm”, HT kiểm tra dữ liệu nhập và hiển thị nội dung cần tìm, đưa ra cảnh báo lỗi nếu có * ND click tên “Tổ chức”, hệ thống sẽ hiển thị màn hình xem chi tiết thông tin về tổ chức.   **Activity diagram**    **Mockup**      Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên màn hình   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã sơ đồ tổ chức | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: SĐTC+[mã tổ chức] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Tên sơ đồ tổ chức | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Mã tổ chức cha | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: SĐTC+[mã tổ chức] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Số lượng nhân sự | Người dùng nhập từ bàn phím (int)  Nhập sai định dạng HT báo lỗi | | Họ và tên quản lý | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]), chỉ nhận định dạng chữ | | Mã quản lý | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Số điện thoại | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]), chỉ nhận định dạng số | | Địa chỉ mail | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Ghi chú | ND nhập từ phàn phím (string[0,2000]) | | Cây SĐTC | ND click vào menu SĐTC, Click vào SĐTC cha thì sẽ hiển thị SĐTC con  ND click chuột 2 lần vào SĐTC con thì sẽ hiện thị màn hình thông tin chi tiết | | Tìm | Placeholder “tìm kiếm:  Chấp nhận tìm kiếm mã SĐTC và tên SĐTC và bắt cụm key | | Button tìm | Ở dạng enable  Click vào button Tìm, hiển thị danh sách SĐTC phù hợp với nội dung ND nhập | | Button thêm mới | Khi muốn thêm mới, ND click button Thêm mới, HT hiển thị màn hình thêm mới | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và sửa thông tin | | Button Xóa | Ở dạng disable | | Button Thoát | Ở dạng disable  Khi thêm mới, click Button Thoát sẽ xóa những thông tin vừa nhập  Khi sửa thông tin, Click Button Thoát sẽ trở về thông tin ban đầu của SĐTC | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xem chi tiết màn hình sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.1.2. Thêm mới danh sách sơ đồ tổ chức

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Thêm danh sách sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng thêm tổ chức vào hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Thêm tổ chức vào sơ đồ tổ chức**   * ND click vào button "Thêm mới"ở màn hình danh sách, hệ thống hiển thị màn hình cần tạo mới * ND nhập thông tin thêm mới sơ đồ tổ chức, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo thêm mới thành công. * ND click button “Thoát”, HT hiển thị màn hình SĐTC.   **Activity diagram**    **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã sơ đồ tổ chức | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: SĐTC+[mã tổ chức] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Tên sơ đồ tổ chức | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Mã tổ chức cha | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: SĐTC+[mã tổ chức] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Số lượng nhân sự | Người dùng nhập từ bàn phím (int)  Nhập sai định dạng HT báo lỗi | | Họ và tên quản lý | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]), chỉ nhận định dạng chữ | | Mã quản lý | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Số điện thoại | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]), chỉ nhận định dạng số | | Địa chỉ mail | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Ghi chú | ND nhập từ phàn phím (string[0,2000]) | | Cây SĐTC | ND click vào menu SĐTC, Click vào SĐTC cha thì sẽ hiển thị SĐTC con  ND click chuột 2 lần vào SĐTC con thì sẽ hiện thị màn hình thông tin chi tiết | | Tìm | Placeholder “tìm kiếm:  Chấp nhận tìm kiếm mã SĐTC và tên SĐTC và bắt cụm key | | Button tìm | Ở dạng enable  Click vào button Tìm, hiển thị danh sách SĐTC phù hợp với nội dung ND nhập | | Button thêm mới | Khi muốn thêm mới, ND click button Thêm mới, HT hiển thị màn hình thêm mới | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và sửa thông tin | | Button Xóa | Ở dạng disable | | Button Thoát | Ở dạng disable  Khi thêm mới, click Button Thoát sẽ xóa những thông tin vừa nhập  Khi sửa thông tin, Click Button Thoát sẽ trở về thông tin ban đầu của SĐTC | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.1.3. Sửa danh sách sơ đồ tổ chức

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC313 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng sửa thông tin về tổ chức trong hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào tổ chức cần chỉnh sửa, HT hiển thị màn hình chỉnh sửa * ND nhập thông tin cần sửa, HT kiểm tra dữ liệu vừa nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nếu có * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin đã sửa vào CSDL và hiển thị thông báo thêm mới thành công. * ND click button “Thoát”, HT hiển thị màn hình SĐTC.   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã sơ đồ tổ chức | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: SĐTC+[mã tổ chức] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Tên sơ đồ tổ chức | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Mã tổ chức cha | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: SĐTC+[mã tổ chức] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Số lượng nhân sự | Người dùng nhập từ bàn phím (int)  Nhập sai định dạng HT báo lỗi | | Họ và tên quản lý | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]), chỉ nhận định dạng chữ | | Mã quản lý | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Số điện thoại | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]), chỉ nhận định dạng số | | Địa chỉ mail | ND nhập từ phàn phím (string[0,255]) | | Ghi chú | ND nhập từ phàn phím (string[0,2000]) | | Cây SĐTC | ND click vào menu SĐTC, Click vào SĐTC cha thì sẽ hiển thị SĐTC con  ND click chuột 2 lần vào SĐTC con thì sẽ hiện thị màn hình thông tin chi tiết | | Tìm | Placeholder “tìm kiếm:  Chấp nhận tìm kiếm mã SĐTC và tên SĐTC và bắt cụm key | | Button tìm | Ở dạng enable  Click vào button Tìm, hiển thị danh sách SĐTC phù hợp với nội dung ND nhập | | Button thêm mới | Khi muốn thêm mới, ND click button Thêm mới, HT hiển thị màn hình thêm mới | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và sửa thông tin | | Button Xóa | Ở dạng disable | | Button Thoát | Ở dạng disable  Khi thêm mới, click Button Thoát sẽ xóa những thông tin vừa nhập  Khi sửa thông tin, Click Button Thoát sẽ trở về thông tin ban đầu của SĐTC | | |
| **Kết quả cần đạt được: Sửa sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.1.4. Xóa danh sách sơ đồ tổ chức

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xóa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC314 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xóa thông tin tổ chức trong hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào tổ chức cần xóa, HT hiển thị màn hình tổ chức * ND click vào button Xóa, HT hiển thị popup xác nhận xóa * ND click vào button Đồng ý, HT tiến hành xóa tổ chức khỏi CSDL và hiển thị thông báo xóa thành công * ND click vào button Hủy, HT hiển thị màn hình danh sách   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Button đồng ý | HT lưu thông tin trong CSDL | | Button hủy | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | Icon xóa | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xóa sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.2.Chức năng khung năng lực theo vị trí

3.2.1 Xem danh sách khung năng lực theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xem thông tin khung năng lực theo vị trí |
| **ID Usecase** | UC321 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xem chi tiết chức năng khung năng lực theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Xem chi tiết thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào menu Khung năng lực, HT hiển thị màn hình danh sách khung năng lực theo vị trí * ND nhập thông tin tìm kiếm và click vào button Tìm, HT kiểm tra dữ liệu và hiển thị thông tin theo nội dung tìm kiếm, hiển thị thông báo lỗi nếu có   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: BYT+[mã loại hồ sơ] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Mã phòng ban | Hiển thị theo CSDL | | Tên phòng ban | Hiên thị theo CSDL mã phòng ban đã chọn | | Kỹ năng | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Input Tìm | Chấp nhận tìm kiếm theo key | | Button tìm | Ở dạng enable | | Icon Thêm | Khi muốn chuyển sang màn hình thêm mới, ND click vào icon thêm mới | | Icon Sửa | Ở dạng enable | | Icon xóa | Ở dạng enable | | Button Khung năng lực | Click vào hiển thị danh sách khung năng lực | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xem danh sách khung năng lực theo vị trí thành công** | |

3.2.2. Thêm mới khung năng lực theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tinlllll’.l tổ chức vào hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào Icon thêm mới ở màn hình danh sách (UC321), hệ thống hiển thị màn hình cần tạo mới * ND nhập thông tin thêm mới sơ đồ tổ chức, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo thêm mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC321)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự động định theo quy tắc: VT + [Mã phòng ban] + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Người dùng tự nhập ở trong CSDL | | Ghi chú | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mô tả vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mã năng lực | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tên năng lực | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tiêu chí đánh giá | Do người dùng nhập ( String[0,1000]) | | Trọng số | Do người dùng nhập ( float) | | Icon sửa | ở dạng enable | | Icon xóa | ở dạng enable | | Button Xóa | ở dạng enable  xóa tất cả các thông tin vừa nhập | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và cập nhật thông tin | | Button thoát | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.2.3. Sửa khung năng lực theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tinlllll’.l tổ chức vào hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào Icon Sửa ở màn hình danh sách (UC321), hệ thống hiển thị màn hình sửa * ND nhập thông tin cần sửa, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo sửa mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC321)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự động định theo quy tắc: VT + [Mã phòng ban] + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Người dùng tự nhập ở trong CSDL | | Ghi chú | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mô tả vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mã năng lực | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tên năng lực | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tiêu chí đánh giá | Do người dùng nhập ( String[0,1000]) | | Trọng số | Do người dùng nhập ( float) | | Icon sửa | ở dạng enable | | Icon xóa | ở dạng enable | | Button Xóa | ở dạng enable  xóa tất cả các thông tin vừa nhập | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và cập nhật thông tin | | Button thoát | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.2.4.Xóa khung năng lực theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tinlllll’.l tổ chức vào hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào button Xóa ở màn hình danh sách(UC321), HT hiển thị popup xác nhận xóa * ND click vào button Đồng ý, HT tiến hành xóa tổ chức khỏi CSDL và hiển thị thông báo xóa thành công * ND click vào button Hủy, HT hiển thị màn hình danh sách(UC321)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Button đồng ý | HT sẽ xóa khung năng lực trong CSDL | | Button hủy | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | Icon xóa | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xóa khung năng lực theo vị trí thành công** | |

3.2.5.Xem chi tiết khung năng lực theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tinlllll’.l tổ chức vào hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào Icon Sửa ở màn hình danh sách (UC321), hệ thống hiển thị màn hình sửa * ND nhập thông tin cần sửa, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo sửa mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC321)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự động định theo quy tắc: VT + [Mã phòng ban] + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Người dùng tự nhập ở trong CSDL | | Ghi chú | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mô tả vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mã năng lực | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tên năng lực | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tiêu chí đánh giá | Do người dùng nhập ( String[0,1000]) | | Trọng số | Do người dùng nhập ( float) | | Icon sửa | ở dạng enable | | Icon xóa | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xem chi tiết khung năng lực theo vị trí thành công** | |

3.3. Chức năng khung đào tạo theo vị trí

3.3.1 Xem danh sách khung đào tạo theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xem danh sách khung đào tạo theo vị trí |
| **ID Usecase** | UC331 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xem danh sách khung đào tạo theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**   * **Xem danh sách thông tin khung năng lực theo vị trí** * ND click vào menu Khung đào tạo, HT hiển thị màn hình danh sách khung đào tạo theo vị trí * ND nhập thông tin tìm kiếm và click vào button Tìm, HT kiểm tra dữ liệu và hiển thị thông tin theo nội dung tìm kiếm, hiển thị thông báo lỗi nếu có   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã đào tạo | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: BYT+[mã loại hồ sơ] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Tên đào tạo | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Mã phòng ban | Hiển thị theo CSDL | | Button khung đào tạo | Hiển thị danh sách khung đào tạo | | Trạng thái | Do người dùng nhập (string[0,255])  Chỉ nhận định dạng chữ  Nhập sai hiển thị thông báo lỗi | | Yêu cầu | Do người dùng nhập (string[0,255])  Chỉ nhận định dạng chữ  Nhập sai hiển thị thông báo lỗi | | Input Tìm | Chấp nhận tìm kiếm theo key | | Button tìm | Ở dạng enable | | Icon Thêm | Khi muốn chuyển sang màn hình thêm mới, ND click vào icon thêm mới | | Icon Sửa | Ở dạng enable | | Icon xóa | Ở dạng enable | | Button Khung năng lực | Click vào hiển thị danh sách khung năng lực | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.3.2.THêm khung đào tạo theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Thêm khung đào tạo theo vị trí |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng thêm mới khung đào tạo theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Thêm mới khung đào tạo theo vị trí**   * ND click vào Icon thêm mới ở màn hình danh sách (UC331), hệ thống hiển thị màn hình cần tạo mới * ND nhập thông tin thêm mới sơ đồ tổ chức, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo thêm mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC331)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự động định theo quy tắc: VT + [Mã phòng ban] + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Người dùng tự nhập ở trong CSDL | | Ghi chú | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mô tả vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mã đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,255]), ở dạng link | | Tên đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tiêu chí đánh giá | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Nội dung đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,1000]) | | Trạng thái | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Icon sửa | ở dạng enable | | Icon xóa | ở dạng enable | | Button Xóa | ở dạng enable  xóa tất cả các thông tin vừa nhập | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và cập nhật thông tin | | Button thoát | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.3.3.Sửa khung đào tạo theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông tin sơ đồ tổ chức |
| **ID Usecase** | UC313 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin khung đào tạo theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa khung đào tạo theo vị trí**   * ND click vào Icon Sửa ở màn hình danh sách (UC331), hệ thống hiển thị màn hình sửa * ND nhập thông tin cần sửa, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo sửa mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC331)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự động định theo quy tắc: VT + [Mã phòng ban] + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Người dùng tự nhập ở trong CSDL | | Ghi chú | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mô tả vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mã đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,255]), ở dạng link | | Tên đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tiêu chí đánh giá | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Nội dung đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,1000]) | | Trạng thái | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Icon sửa | ở dạng enable | | Icon xóa | ở dạng enable | | Button Xóa | ở dạng enable  xóa tất cả các thông tin vừa nhập | | Button Cập nhật | Enable khi thêm mới và cập nhật thông tin | | Button thoát | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Sửa khung đào tạo theo vị trí thành công** | |

3.3.4.Xóa khung đào tạo theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xóa khung đào tạo theo vị trí |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xóa khung đào tao theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào button Xóa ở màn hình danh sách(UC331), HT hiển thị popup xác nhận xóa * ND click vào button Đồng ý, HT tiến hành xóa tổ chức khỏi CSDL và hiển thị thông báo xóa thành công * ND click vào button Hủy, HT hiển thị màn hình danh sách(UC331)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Button đồng ý | HT lưu thông tin trong CSDL | | Button hủy | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | Icon xóa | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.3.5.Xem chi tiết khung đào tạo theo vị trí

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xem chi tiết khung năng lực theo vị trí |
| **ID Usecase** | UC325 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xem chi tiết khung năng lực theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Xem chi tiết thông tin khung năng lực theo vị trí**   * ND click vào link Mã vị trí ở màn hình danh sách(UC331), HT hiển thị màn hình xem chi tiết Khung năng lực của vị trí * Click vào Icon Thoát, HT hiển thị màn hình xem danh sách(UC331)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã vị trí | Hệ thống tự động định theo quy tắc: VT + [Mã phòng ban] + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Mã phòng ban | Người dùng tự nhập ở trong CSDL | | Ghi chú | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mô tả vị trí | Do người dùng nhập ( String[0,2000]) | | Mã đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,255]), ở dạng link | | Tên đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Tiêu chí đánh giá | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Nội dung đào tạo | Do người dùng nhập ( String[0,1000]) | | Trạng thái | Do người dùng nhập ( String[0,255]) | | Icon sửa | ở dạng enable | | Icon xóa | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm danh sách sơ đồ tổ chức thành công** | |

3.4. Quản lý đề xuất định biên

3.4.1. Xem danh sách định biên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xem danh sách định biên |
| **ID Usecase** | UC312 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tinlllll’.l tổ chức vào hệ thống sơ đồ tổ chức |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin tin sơ đồ tổ chức**   * ND click vào button "Thêm mới", hệ thống hiển thị màn hình cần tạo mới * ND nhập thông tin thêm mới sơ đồ tổ chức, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Cập nhật", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo thêm mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình SĐTC.   **Activity diagram**  **Mockup**      Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã định biên | Hệ thống tự đông sinh theo quy tắc: BYT+[mã loại hồ sơ] + [dãy số tự tăng vd: 00001]  Người dùng không được quyền sửa | | Tên định biên | Do người dùng nhập (String[0,255]) | | Số lượng | Chỉ được nhập số(int) | | Loại định biên | Định biên trong  Định biên ngoài  Định dạng chữ (string[0,255]) | | Ngày tạo | Format: dd/mm/yyyy. Sai định dạng hiển thị thông báo lỗi | | Icon sửa | ở dạng enable, khi muốn hiện màn hình sửa | | Icon xóa | ở dạng enable | | Icon phê duyệt | Khi muốn hiện màn hình phê duyệt định biên | | Icon thêm | Chi được upload file PDF  Dung lượng file dưới 3mb 1 file và tổng các file dung lượng dưới 15mb | | Button đã phê duyệt | Hiển thị danh sách định biên đã phê duyệt | | Button chưa phê duyệt | Hiển thị danh sách định biên chưa phê duyệt | | Input tìm | Placeholder “Tìm kiếm”  Tìm kiếm thông tin theo mọi key  Ở dạng chuỗi kí tự String[0,1000] | | Button tìm | ở dạng enable | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xem danh sách định biên thành công** | |

3.4.2. Phê duyệt định biên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Phê duyệt định biên |
| **ID Usecase** | UC342 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép CEO phê duyệt định biên |
| **Vai trò thực hiện** | HR, CEO |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Phê duyệt định biên**   * CEO Click vào Button chưa phê duyệt, HT hiển thị màn hình Danh sách định biên chưa được phê duyệt * CEO click vào Icon phê duyệt, HT hiển thị màn hình Phê duyệt định biên * CEO click vào button Duyệt, HT tiến hành lưu thông tin vào CSDL, thêm định biên vào danh sách định biên đã duyệt và hiển thị thông báo thành công * CEO click vào button Từ chối và nhập lý do từ chối(ghi chú),HT xóa định biên ở danh sách chờ và hiển thị thông báo thành công * CEO click Button Hủy, HT quay lại màn hình danh sách (UC341)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã định biên | Hệ thống tự động định theo quy tắc: DB + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên định biên | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Loại định biên | DropDownList: 2 loại là định biên ngoài và định biên trong | | Từ ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Đến ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Phòng ban | DropDown List sẽ được hiển thị theo CSDL | | Ghi chú | Là lí do khi đồng ý hoặc từ chối định biên  Khi từ chối bắt buộc phải viết  Định dạng kí tự string[0,3000] | | Icon thoát | Quay lại màn hình danh sách định biên | | Button duyệt | Ở dạng disable  Khi duyệt xong định biên sẽ thêm được thêm vào CSDL danh sách định biên đã duyệt | | Button từ chối | Ở dạng disable  Sau khi nhập lí do(ghi chú) xong mới được từ chối  Xóa khỏi csdl | | |
| **Kết quả cần đạt được: Phê duyệt hoặc từ chốt phê duyệt đề xuất định biên thành công** | |

3.4.3.Thêm mới định biên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Thêm mới định biên |
| **ID Usecase** | UC343 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng thêm mới thông tin định biên vào danh sách định biên |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Thêm mới định biên**   * ND click vào Icon thêm mới ở màn hình danh sách (UC341), hệ thống hiển thị màn hình cần tạo mới * ND nhập thông tin thêm mới sơ đồ tổ chức, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Lưu", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo thêm mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC341)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã định biên | Hệ thống tự động định theo quy tắc: DB + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên định biên | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Loại định biên | DropDownList: 2 loại là định biên ngoài và định biên trong | | Từ ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Đến ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Phòng ban | DropDown List sẽ được hiển thị theo CSDL | | Ghi chú | Là lí do khi đồng ý hoặc từ chối định biên  Khi từ chối bắt buộc phải viết  Định dạng kí tự string[0,3000] | | Icon thoát | Quay lại màn hình danh sách định biên | | Button lưu | Ở dạng disable  Lưu vào csdl | | Button thoát | Ở dạng disable  Không lưu vào csdl | | |
| **Kết quả cần đạt được: Thêm mới đề xuất định biên thành công** | |

3.4.4. Sửa định biên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Sửa thông định biên |
| **ID Usecase** | UC344 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin định biên |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Sửa thông tin định biên**   * ND click vào Icon Sửa ở màn hình danh sách (UC341), hệ thống hiển thị màn hình sửa * ND nhập thông tin cần sửa, hệ thống ktra dữ liệu nhập và đưa ra cảnh báo lỗi nêu có. * ND Click vào button "Lưu", hệ thống tiến hành lưu thông tin vào CSDL và hiển thị thông báo sửa mới thành công. * ND click button “Hủy”, HT hiển thị màn hình danh sách(UC341)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã định biên | Hệ thống tự động định theo quy tắc: DB + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên định biên | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Loại định biên | DropDownList: 2 loại là định biên ngoài và định biên trong | | Từ ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Đến ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Phòng ban | DropDown List sẽ được hiển thị theo CSDL | | Ghi chú | Là lí do khi đồng ý hoặc từ chối định biên  Khi từ chối bắt buộc phải viết  Định dạng kí tự string[0,3000] | | Icon thoát | Quay lại màn hình danh sách định biên | | Button lưu | Ở dạng disable  Lưu vào csdl | | Button thoát | Ở dạng disable  Không lưu vào csdl | | |
| **Kết quả cần đạt được: Sửa đề xuất định biên thành công** | |

3.4.5.Xóa định biên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xóa định biên |
| **ID Usecase** | UC345 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xóa khung đào tao theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Xóa định biên**   * ND click vào button Xóa ở màn hình danh sách(UC341), HT hiển thị popup xác nhận xóa * ND click vào button Đồng ý, HT tiến hành xóa tổ chức khỏi CSDL và hiển thị thông báo xóa thành công * ND click vào button Hủy, HT hiển thị màn hình danh sách(UC341)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Button đồng ý | HT lưu thông tin trong CSDL | | Button hủy | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | Icon xóa | Không thực hiện xóa thông tin trong CSDL | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xóa định biên thành công** | |

3.4.6. Xem chi tiết định biên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | Xem chi tiết định biên |
| **ID Usecase** | UC325 |
| **Mô tả** | Chức năng cho phép người dùng xem chi tiết khung năng lực theo vị trí |
| **Vai trò thực hiện** | HR |
| **Mô tả chi tiết chức năng**  **Xem chi tiết thông tin khung năng lực theo vị trí**   * ND click vào link Mã định biên ở màn hình danh sách(UC341), HT hiển thị màn hình xem chi tiết Khung năng lực của vị trí * Click vào Icon Thoát, HT hiển thị màn hình xem danh sách(UC341)   **Activity diagram**  **Mockup**    Những trường thông tin có dấu “\*” là bắt buộc phải nhập  Trong đó: mô tả thông tin trên mhinh đó   | **Tên trường** | **Mô tả** | | --- | --- | | Mã định biên | Hệ thống tự động định theo quy tắc: DB + [dãy số tự tăng vd: 00001].  Người dùng không được quyền sửa | | Tên định biên | Do người dùng nhập (string[0,255]) | | Loại định biên | DropDownList: 2 loại là định biên ngoài và định biên trong | | Từ ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Đến ngày | Lựa chọn từ calander  Formar MM/DD/YYYY | | Phòng ban | DropDown List sẽ được hiển thị theo CSDL | | Ghi chú | Là lí do khi đồng ý hoặc từ chối định biên  Khi từ chối bắt buộc phải viết  Định dạng kí tự string[0,3000] | | Icon thoát | Quay lại màn hình danh sách định biên | | |
| **Kết quả cần đạt được: Xem chi tiết định biên thành công** | |